

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
-----o0o-----

CHIẾN LƯỢC
VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
Giai đoạn 2012 - 2020

Hà Nội, 2012

Mở đầu

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đã khẳng định: “Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”.

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã đề ra mục tiêu: “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO và xu thế hội nhập quốc tế mạnh mẽ đang đem lại cho giáo dục đại học Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức, đòi hỏi phải có chiến lược phát triển phù hợp nhằm tạo nên những chuyển biến có tính đột phá trong thời kỳ mới.

Sau 20 năm thành lập và phát triển, Viện Đại học Mở Hà Nội đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ quá trình đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước. Song, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động của Viện còn bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập. Chiến lược phát triển Viện Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xác định mục tiêu và giải pháp thực hiện theo phương châm đa dạng hóa, đại chúng hóa, xã hội hóa, thị trường hóa và quốc tế hóa, đưa Đại học Mở Hà Nội đến năm 2020 trở thành một trường Đại học Mở ngang tầm với các trường Đại học Mở trong khu vực Đông Nam Á và hướng tới đến năm 2030 đứng trong tốp đầu của các trường Đại học Mở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

I. SỨ MẠNG CỦA VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

1.1. Lý do ra đời Viện Đại học Mở Hà Nội

1.1.1. Lý do về khía cạnh tổ chức

Vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 của thế kỷ trước nhiều trường đại học đã cho ra đời loại hình đào tạo "mở rộng" (cho phép người học được đăng ký tự do mà không nhất thiết phải trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh Quốc gia).

Tuy nhiên từ năm học 1993 - 1994, Nhà nước đã cho phép các trường đại học, cao đẳng được chủ động đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh để khai thác năng lực đào tạo của mình và dựa vào nhu cầu xã hội, chất lượng "đầu vào". Việc tồn tại trong một trường cả hai hình thức chính quy và mở rộng rõ ràng là không cần thiết. Và từ năm học này Bộ GD-ĐT đã quyết định ngừng hệ đào tạo mở rộng ở các trường Đại học.

Kinh nghiệm giáo dục ở các nước trên thế giới cho thấy, có thể đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, tao cơ hội cho nhiều tầng lớp nhân dân được tiếp nhận nền học vấn đại học mà vẫn đảm bảo chất lượng "đầu ra" nhất thiết phải duy trì hình thức đào tạo theo chế độ tuyển sinh tự do, nhưng cần tập trung ở những cơ sở đại học riêng gọi là "Đại học Mở" (trích tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập hai Đại học Mở Hà Nội và Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13 tháng 7 năm 1993).

Với những lý do nêu ở trên, ngày 3 tháng 11 năm 1993, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định QĐ535/TTg thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội với chức năng và nhiệm vụ như sau:

+ Viện Đại học Mở Hà Nội là cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội góp phần tăng tiềm lực cán bộ khoa học - kỹ thuật cho đất nước.

+ Viện Đại học Mở Hà Nội là tổ chức hoạt động trong hệ thống các trường đại học Quốc gia do Bộ GD-ĐT trực tiếp quản lý và được hưởng mọi quy chế của một trường đại học công lập.

1.1.2. Lý do về khía cạnh triết lý

Cùng với sự đổi mới kinh tế - xã hội, chuyển từ nền kinh tế tập trung - bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI (1986) của Đảng, nhu cầu học tập, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức của nhân dân rất lớn, rất đa dạng. Do thiếu thốn về nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) nên hệ thống các trường đào tạo tập trung chưa thể đáp ứng nhu cầu đó. Một trong số những giải pháp thực hiện chủ trương mới giáo dục - đào tạo ở nước ta hiện nay là mở rộng và đa dạng hóa các loại hình đào tạo, trong đó đào tạo mở và đào tạo từ xa được coi là một công cụ quan trọng để phát triển quy mô đào tạo nguồn lao động, nâng cao dân trí tao ra sự bình đẳng về giáo dục cho mọi công dân và rút ngắn khoảng cách về giáo dục so với các nước trong khu vực. (Trích bài phát biểu của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT Trần Hồng Quân tại lễ khai giảng khóa đào tạo từ xa trên đài tiếng nói Việt Nam do Đại học Mở phối hợp với Đài tiếng nói Việt Nam tổ chức ngày 8/4/1995).

1.2. Những đặc điểm khác biệt của đại học Mở

Nét khác biệt, độc đáo của đại học Mở so với các trường đại học khác nằm ở thuật ngữ "Mở". Từ sự phân tích lý do ra đời của đại học Mở trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, thuật ngữ "Mở" có nội hàm sau: Mở cơ hội học tập cho nhiều người nhằm tạo ra sự công bằng, bình đẳng, dân chủ về giáo dục trong xã hội.

Cụ thể là:

- * Mở rộng đối tượng đào tạo cho mọi tầng lớp dân cư, trên nhiều địa phương khác nhau.
- * Mở về phương thức tuyển sinh: đăng ký học, xét tuyển, thi tuyển tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể, hoàn thành cụ thể.
- * Mở về chương trình đào tạo: không đòi hỏi người học phải theo đuổi việc học suốt khóa mà có thể học từng môn, từng học phần, tín chỉ (cần gì học đó) hoặc học toàn khóa để lấy văn bằng.

* Mở về phương thức đào tạo: Tùy thuộc vào loại hình đào tạo mà tổ chức theo các phương thức:

- Đào tạo trực tiếp (Face to face)
- Đào tạo từ xa (Distance education)

* Mở về đội ngũ giảng viên: Trong các tổ chức đào tạo mở phải biết tận dụng đội ngũ chuyên gia, thầy giáo giỏi ở nhiều trường đại học. Vì vậy, bên cạnh đội ngũ cơ hữu (trong một giới hạn nhất định) cần có chính sách mở cửa đón nhận đội ngũ cán bộ thỉnh giảng từ nhiều nguồn (các trường đại học, viện nghiên cứu, các nhà doanh nghiệp...) trong xã hội.

Tuy nhiên khi thực hiện các yếu tố "Mở" như trên thì cần nhấn mạnh điều kiện: Phải có cơ chế kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình đào tạo, đặc biệt là công nghệ kiểm tra, đánh giá "đầu ra" theo các chuẩn quy định.

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn của Viện Đại học Mở Hà Nội

Trên cơ sở phân tích triết lý của Đại học Mở, lý do hình thành các đại học Mở ở Việt Nam, các đặc thù của Đại học Mở, chúng ta có thể đưa ra sứ mạng, tầm nhìn của Viện Đại học Mở Hà Nội như sau:

Sứ mạng: Viện Đại học Mở Hà Nội, mở cơ hội học tập cho mọi người nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: Viện Đại học Mở Hà Nội là trường trọng điểm quốc gia về giáo dục mở và đào tạo từ xa (cả về quy mô và chất lượng) vì một nền giáo dục đại học đại chúng, vì một xã hội học tập và học tập suốt đời; Có vị trí xứng đáng trong các trường đại học Mở của khu vực Đông Nam Á và châu Á.

Slogan của Viện

ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

MỞ CƠ HỘI HỌC TẬP

CHO NHIỀU NGƯỜI

II. VAI TRÒ, VỊ TRÍ, GIÁ TRỊ CỦA VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

2.1. Vai trò của Viện Đại học Mở Hà Nội

* Là cơ sở đào tạo đại học đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp độ, đa phương thức (đặc biệt là đào tạo từ xa) để cung cấp, gìn giữ, truyền đạt và ứng dụng những kiến thức thông qua hoạt động đào tạo và các hình thức hoạt động khác.

* Là cơ sở nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ứng dụng, triển khai các tiến bộ khoa học - công nghệ, khoa học giáo dục (chú trọng giáo dục mở và đào tạo từ xa) nhằm gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, giữa nhà trường với sản xuất và các dịch vụ cộng đồng.

2.2. Vị trí của Viện Đại học Mở Hà Nội

Viện đại học Mở Hà Nội phải phấn đấu:

* Là địa chỉ tin cậy về GD-ĐT (cả về quy mô và chất lượng) trong hệ thống giáo dục quốc dân.

* Là trường trọng điểm quốc gia về giáo dục mở và đào tạo từ xa.

* Là một trong nhóm top 3, hàng đầu của các trường đại học mở khu vực Đông Nam Á và có vị trí xứng đáng trong các trường đại học mở Châu Á.

2.3. Giá trị của Viện Đại học Mở Hà Nội

Viện đại học Mở Hà Nội xác định giá trị cốt lõi của trường là:

- Duy trì những chuẩn mực về đạo đức và chất lượng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng môi trường văn hóa, mọi hoạt động của nhà trường vì sinh viên và lấy sinh viên làm trung tâm.

- Là trường đại học công lập tự cân đối ngân sách cho hoạt động đào tạo từ nguồn thu chủ yếu dựa vào học phí theo quy định cho một trường đại học công lập.

III. BỐI CẢNH VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

3.1. Bối cảnh của GD-ĐT hiện nay ở nước ta

Giáo dục đại học Việt Nam đang đứng trước các mâu thuẫn, cơ hội và thách thức.

3.1.1. Mâu thuẫn

Hiện nay, giáo dục đại học ở nước ta đang phải giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước và hội nhập quốc tế. Đó là:

- 1/ Mâu thuẫn giữa tính ổn định tương đối của phát triển giáo dục với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường.
- 2/ Mâu thuẫn giữa việc thừa nhận giáo dục phải mất tiền với chủ trương đảm bảo tính công bằng trong cơ hội học tập, trong quyền lợi giáo dục và dân chủ trong xã hội.
- 3/ Mâu thuẫn giữa mở rộng quyền tự chủ của các trường đại học với việc duy trì quản lý nhà nước.
- 4/ Mâu thuẫn giữa xã hội hóa giáo dục với chất lượng đào tạo dẫn tới sự cạnh tranh giữa các trường đại học, giữa đại học trong nước với các trường đại học nước ngoài.
- 5/ Mâu thuẫn giữa mục tiêu nhân văn của nhà trường với sự tác động tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường.

3.1.2. Cơ hội và thách thức

Bước vào thế kỷ XXI, giáo dục đại học Việt Nam đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn. Đó là:

- 1/ Sự phát triển nền kinh tế thị trường tạo ra nhu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp CNH - HĐH đất nước.
- 2/ Dân số tăng nhanh dẫn tới sự gia tăng nhu cầu giáo dục đại học, nhưng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng và hiệu quả đào tạo.
- 3/ Sự xuất hiện xã hội dựa vào thông tin, xã hội dựa vào tri thức.
- 4/ Xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế, quốc tế hóa văn hóa nhưng phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- 5/ Sự thay đổi về tính chất và phân công lao động xã hội.
- 6/ Sự biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng.

7/ Sự cách biệt ngày càng lớn của các nhóm xã hội khác nhau về giáo dục, văn hóa và thu nhập.

Tất cả những điều nêu trên vừa là đặc điểm của thời đại, vừa là cơ hội, vừa là thách thức với GD - ĐT nói chung và đối với từng trường đại học nói riêng.

IV. HIỆN TRẠNG CỦA VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

4.1. Khái quát tình hình hiện nay của Viện

4.1.1. Các đơn vị trực thuộc Viện

1/ Khoa và ngành đào tạo

Hiện Viện có 12 khoa, đào tạo 16 ngành/ chuyên ngành, cụ thể:

STT	Khoa	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo
1	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh Kế toán
2	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
3	Luật	Luật Kinh tế Luật Quốc tế
4	Du lịch	QTKD (Du lịch - Khách sạn) QTKD (Hướng dẫn Du lịch)
5	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
6	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc
7	Tạo dáng công nghiệp	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Thiết kế thời trang Kiến trúc
8	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin
9	Công nghệ Sinh học	Công nghệ Sinh học
10	Công nghệ Điện tử Thông tin	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông
11	Đào tạo Từ xa	7 chuyên ngành

12	Sau đại học	5 chuyên ngành
----	-------------	----------------

2/ Các trung tâm phục vụ đào tạo

1. Trung tâm Phát triển đào tạo
2. Trung tâm Đào tạo trực tuyến (E-learning)
3. Trung tâm Học liệu
4. Trung tâm Thông tin - Thư viện
5. Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ sinh viên
6. Trung tâm Công nghệ thông tin
7. Trung tâm Hợp tác đào tạo
8. Trung tâm Đại học Mở HN tại Đà Nẵng
9. Trung tâm Tư vấn Pháp luật

3/ Các phòng chức năng

1. Phòng Đào tạo
2. Phòng Tổ chức - Hành chính
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính
4. Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế
5. Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên
6. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
7. Phòng Thanh tra

4.1.2. Loại hình đào tạo

Viện Đại học Mở Hà Nội có các loại hình đào tạo sau:

- Chính quy
- Vừa học vừa làm
- Từ xa
- Từ xa qua mạng (E-learning)
- Liên thông cao đẳng lên đại học
- Liên kết với các trường nước ngoài

4.1.3. Các bậc học

- Trung cấp
- Đào tạo cao đẳng
- Đào tạo đại học (cử nhân, kỹ sư)
- Đào tạo thạc sĩ

4.1.4. Quy mô đào tạo

Hiện nay, Viện đang thực hiện đào tạo cho hơn 55.000 học viên, sinh viên các loại hình, bậc học và hệ đào tạo với chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao.

Số lượng sinh viên, học viên đang theo học: 55.085

* Thạc sỹ: 759

* Đại học: 53.215

- Chính quy: 12.185

- Bằng 2: 2.241

- Liên thông: 3.115

- VLVH: 2.364

- Từ xa: 33.310

* Cao đẳng: 1.111

Cùng với việc mở rộng quy mô, ngành đào tạo, loại hình và các cấp độ đào tạo, Viện Đại học Mở Hà Nội cũng không ngừng đầu tư công nghệ phục vụ đào tạo, học liệu điện tử và cải tiến phương pháp giảng dạy, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực.

4.1.5. Đội ngũ cán bộ

Theo số lượng thống kê đến 6/2013,

- Tổng số cán bộ viên chức trong Viện: 343 người (trong đó có 1 GS, 2 PGS; 27 TS; 136 ThS; 166 ĐH và 14 trình độ khác)

- Tổng số cán bộ giảng dạy cơ hữu và cơ cấu: 210 giảng viên

- Tổng số cán bộ thỉnh giảng (trong hợp đồng) và cơ cấu: 1712 (bao gồm 36 Giáo sư, 158 Phó Giáo sư, 606 Tiến sỹ, 779 Thạc sỹ và 43 Cử nhân)

4.2. Các mối liên kết đào tạo

Liên kết đào tạo là nhiệm vụ chiến lược của Viện Đại học Mở Hà Nội nhằm thực hiện mục tiêu: “*Mở cơ hội học tập cho nhiều người nhằm nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội*”. Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Viện Đại học Mở Hà Nội đã không ngừng phát triển mạng lưới liên kết đào tạo với các địa phương cả về số lượng và địa bàn liên kết với các phương thức đào tạo đa dạng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Thời kỳ đầu, Viện Đại học Mở Hà Nội triển khai hợp tác với các cơ sở đào tạo chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc gần Hà Nội: Trung tâm GDTX Đông Anh; Trung tâm GDTX Việt Hưng; Trung tâm GDTX Bắc Giang; TT Đào tạo và Bồi dưỡng Tại chức Nam Định...

Đến nay, gần 20 năm phát triển liên kết đào tạo, Viện đang phối hợp chặt chẽ với 92 cơ sở liên kết đào tạo, trong đó:

- Các đơn vị liên kết thuộc khu vực miền Bắc: 73 đơn vị (chiếm 79,4 %)
- Các đơn vị liên kết thuộc khu vực miền Trung, Tây Nguyên: 14 đơn vị (chiếm 15,2 %)
- Các đơn vị liên kết thuộc khu vực miền Nam: 5 đơn vị (chiếm 5,4 %)
- Thuộc khu vực đồng bằng: 72 đơn vị (chiếm 78 %)
- Thuộc khu vực miền núi: 20 đơn vị (chiếm 22 %)

Như vậy, mặc dù Viện đã phát triển liên kết đào tạo rộng khắp từ Điện Biên, Lai Châu đến Lâm Đồng, Cần Thơ, Tp Hồ Chí Minh nhưng do điều kiện khách quan, mạng lưới liên kết vẫn tập trung chủ yếu ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ.

4.3. Hợp tác quốc tế

** Viện Đại học Mở Hà Nội đã tích cực tham gia nhiều tổ chức quốc tế:*

- SEAMEO SEMOLEC: Hội đồng Bộ Trưởng giáo dục các nước Đông Nam Á (Southeast Asian Ministers of Education Organization Regional Open Learning Center)

- AAOU: Hiệp hội các trường Đại học Mở Châu Á (Asian Association of Open Universities)

- ICDE: Hội đồng quốc tế về giáo dục mở và từ xa (International Council for Open and Distance Education)

* Viện Đại học Mở Hà Nội có quan hệ hợp tác đào tạo với nhiều trường đại học quốc tế:

- Boxhill Institute of Technology: Học viện kỹ thuật Boxhill

- Russian State Technological University (MATI): Trường Đại học Công nghệ Quốc gia Nga MATI

- Chongqing University of Technology: Đại học Công nghệ Trùng Khánh

* Viện Đại học Mở Hà Nội đã đặt quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trên thế giới:

• Đại học mở Malaysia (Open University Malaysia)

• Đại học Mở Sukhothai Thammathirat (Sukhothai Thammathirat Open University)

• Trường Đại học Mở Hồng Kông (The Open University of Hongkong)

• Đại học Công nghệ Trùng Khánh (Chongqing University of Technology)

• Trường máy tính Genetic (Genetic Computer School)

• Đại học Mở Wawasan (Wawasan University)

• Đại học Terbuka, Indonesia (Universitas Terbuka)

• Đại học Mở Quốc gia Hàn Quốc (Korea National Open University)

• Đại học Mở Allama Iqbal (Allama Iqbal Open University)

• Boxhill Institute of Technology: Học viện kỹ thuật Boxhill

• Russian State Technological University (MATI): Trường Đại học Công nghệ Quốc gia Nga MATI

• Đại học Công nghệ Hoa Nam Quảng Châu, Trung Quốc

• Đại học Tài chính Kinh tế Thiên Tân, Trung Quốc

• Đại học Sư Phạm Hoa Trung, Trung Quốc

• Đại học Khoa học kỹ thuật điện tử Quế Lâm, Trung Quốc

• Đại học Shute Đài Loan

4.4. Khả năng tài chính

1. Tài chính là nguồn lực, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy, tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh, bền vững của Viện Đại học Mở Hà Nội.

2. Hoạt động tài chính của Viện theo nguyên tắc đa dạng các nguồn thu chủ yếu từ nguồn học phí, chi hợp lý và có hiệu quả. Đây là nội dung xuyên suốt trong hoạt động tài chính của nhà trường.

3. Quản lý tài chính bằng các quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Viện, đảm bảo tính thống nhất, minh bạch, kỷ cương, kỷ luật tài chính.

4. Khả năng tài chính cân đối thu - chi - tích lũy hợp lý.

V. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

5.1. Môi trường trực tiếp

5.1.1. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

Kinh tế thị trường tạo ra cơ hội để phát triển giáo dục đào tạo. Bởi lẽ, kinh tế thị trường tạo động lực mới cho phát triển sản xuất và tiêu dùng dẫn tới nhu cầu học tập, đào tạo, đào tạo lại cho nhiều tầng lớp dân cư.

Sức lao động là hàng hoá, chất lượng sức lao động là do quá trình giáo dục - đào tạo tạo ra.

Thị trường lao động nói chung và lao động kỹ thuật (lao động qua đào tạo) có các tính chất sau:

- Phải tuân theo quy luật cung - cầu
- Đa dạng và không ổn định
- Tính toàn cầu

5.1.2. Cạnh tranh của thị trường lao động

Xã hội hoá giáo dục - đào tạo hình thành nên các tổ chức đào tạo từ nhiều nguồn lực khác nhau. Mặt khác, do thị trường lao động trong nền kinh tế thị

trường và hội nhập quốc tế ngày càng khắt khe trong tuyển dụng với yêu cầu chất lượng cao.

Tất cả những điều trên phải được xem vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với các tổ chức đào tạo.

5.2. Môi trường gián tiếp

Môi trường gián tiếp tuy không tác động trực tiếp tới quá trình biến đổi từ "đầu vào" tới "đầu ra" của hệ thống, nhưng lại có ảnh hưởng rất quan trọng tới hành vi của hệ thống.

Sau đây nêu ra hai yếu tố quan trọng của môi trường gián tiếp

5.2.1. Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục mở và đào tạo từ xa

1/ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCH TW khoá VIII đã chỉ rõ: "...mở rộng các hình thức học từ xa..."

2/ Văn kiện Đại hội Đảng Khoá IX đã chủ trương: "...xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua máy tính...từng bước xúc tiến nối mạng internet ở trường học, tạo điều kiện học tập, nghiên cứu trên mạng ..."

3/ Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH nêu rõ: "...đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục - đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển hình thức đào tạo từ xa phục vụ cho nhu cầu toàn xã hội..."

4/ Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định: "...phấn đấu nền giáo dục hiện đại của dân, do dân, vì dân, bảo đảm công bằng xã hội và cơ hội học tập cho mọi người, tạo điều kiện để toàn xã hội học tập và học suốt đời, đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH đất nước..."

5.2.2. Các căn cứ pháp lý đối với giáo dục mở và đào tạo từ xa

1/ Quyết định số 164/2005/QĐ-TTg ngày 4/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án: Phát triển giáo dục từ xa giai đoạn 2005 - 2010 đã nêu rõ:

"...hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục từ xa hiện có, nhất là Viện Đại học Mở Hà Nội và Đại học Mở Bán công Tp HCM..."

2/ Nghị quyết số 14/ 2005/ NQ - CP ngày 2/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp: "... củng cố đại học Mở để có thể mở rộng quy mô của hai trường này..."

3/ Luật giáo dục (2005), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục (2009), (2011) đã quy định: "...các hình thức thực hiện giáo dục thường xuyên để lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân gồm: "vừa học vừa làm, học từ xa, tự học có hướng dẫn,..."

5.3. Phân tích SWOT của Viện Đại học Mở Hà Nội (Cách phân tích??)

5.3.1. Các điểm mạnh (Strengths)

Đại học Mở Hà Nội gần 20 năm hoạt động đã tao dựng, củng cố và phát huy được các điểm mạnh cơ bản sau:

- 1/ Trung thành với triết lý giáo dục mở và đào tạo từ xa qua nhiều thế hệ
- 2/ Thích nghi với cơ chế thị trường và xã hội hoá giáo dục ngay từ những ngày đầu thành lập và trong suốt quá trình hoạt động của mình.
- 3/ Có một đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn hiểu và nắm được công nghệ hiện đại cho giáo dục mở (đặc biệt là công nghệ đào tạo từ xa).
- 4/ Đã hình thành và từng bước hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý vừa đảm bảo quyền chủ động của các cấp cơ sở, vừa đảm bảo tính tập trung quản lý của nhà trường.
- 5/ Có khả năng thu hút đội ngũ các thầy giáo giỏi, cán bộ nghiên cứu có trình độ cao của nhiều trường đại học và cơ quan nghiên cứu, góp phần tạo nên thế mạnh về chuyên môn cho nhà trường (đó cũng là đặc thù của các đại học Mở trên thế giới).
- 6/ Có mối liên kết rộng rãi với các tổ chức đào tạo trong nước và một số nước trên thế giới (đặc biệt với các trường đại học mở trong Hiệp hội các trường đại học mở Châu Á - AAOU).

5.3.2. Các điểm yếu (Weaknesses)

Trong quá trình hoạt động đã bộc lộ một số điểm yếu sau đây:

- 1/ Cơ sở vật chất - kỹ thuật (trường sở, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập và các phương tiện kỹ thuật khác) còn rất nhiều khó khăn và chưa đồng bộ với quy mô đào tạo. Nguyên nhân chủ yếu là do các thủ tục hành chính và hạn hẹp về đầu tư.
- 2/ Số lượng, cơ cấu, trình độ cán bộ nói chung và đặc biệt là cán bộ giảng dạy phát triển chưa hợp lý với quy mô đào tạo, ngành nghề và bậc học.
- 3/ Mạng lưới đào tạo rộng, trải trên nhiều địa phương không thể không khó khăn trong việc quản lý, nhất là quản lý việc thực thi quy chế.
- 4/ Công nghệ kiểm tra - đánh giá, khâu quan trọng bảo đảm chất lượng đào tạo, uy tín bằng cấp cho việc đào tạo số đông chưa được đầu tư thích hợp (như đào tạo cán bộ chuyên môn và nghiệp vụ, phương tiện kỹ thuật ... cho công nghệ kiểm tra - đánh giá).

5.3.3. Các cơ hội (Opportunities)

Viện Đại học Mở Hà Nội đang đứng trước các cơ hội sau:

- 1/ Môi trường bên trong và môi trường bên ngoài hệ thống nhà trường đang có nhiều thuận lợi cho sự phát triển:
 - + Việc giữ gìn, củng cố và phát huy các điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu chính là cơ hội cho nhà trường phát triển mạnh mẽ và bền vững.
 - + Việc khai thác tối đa các thuận lợi của môi trường bên ngoài (như đã phân tích ở phần 5.2.) sẽ tạo động lực, nguồn lực cho nhà trường vận hành nhằm hướng tới mục tiêu chiến lược.
- 2/ Sự bùng nổ về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ truyền thông - tin học trong những năm gần đây phải được xem như là một cơ hội để thực hiện giáo dục mở và đào tạo từ xa.
- 3/ Tính cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường giáo dục - đào tạo phải được xem như vừa là thách thức, vừa là cơ hội để nhà trường luôn luôn soát xét

lại vị trí của mình trong hệ thống giáo dục - đào tạo, luôn luôn phải nâng cao năng lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển.

5.3.4. Các nguy cơ (Threats)

Trong quá trình vận động không thể không gặp những nguy cơ. Có nguy cơ được bộc lộ ra trước mắt, cũng có những nguy cơ tiềm ẩn. Người quản lý là người phải nhận rõ nguy cơ, dự báo được nguy cơ để đề phòng, ngăn ngừa, hạn chế các rủi ro do các nguy cơ mang đến.

Đối với các trường đại học Mở nói chung và Đại học Mở Hà Nội nói riêng, các nguy cơ cần đề phòng chủ yếu là:

1/ Không kiểm soát được chất lượng trong trường hợp quy mô lớn, địa bàn hoạt động rộng. Trong khi đó chất lượng lại là giá trị, lẽ sống còn của một trường đại học.

2/ Sự từ chối của xã hội đối với sản phẩm đào tạo của trường do nhiều yếu tố:

- Nhận thức của xã hội về mô hình đào tạo mới, loại hình đào tạo mới chưa đồng nhất.

- Sự phân biệt, kỳ thị của một bộ phận cán bộ và dân cư với hệ thống đào tạo thường xuyên (hệ vừa học vừa làm, hệ từ xa...).

- Sự phát triển ào ạt nhiều trường đại học trong thị trường giáo dục.

- Người sử dụng lao động không chấp nhận chất lượng sản phẩm của nhà trường tạo ra do không đáp ứng được yêu cầu của từng bậc học về kiến thức, kỹ năng, thái độ...

- Năng lực cạnh tranh bị tụt hậu so với các trường đại học khác.

VI. XÂY DỰNG HỆ QUAN ĐIỂM CHIẾN LƯỢC

6.1. Các quan điểm về ý tưởng chiến lược

Về ý tưởng, chiến lược phát triển Viện đại học Mở Hà Nội được xây dựng theo các quan điểm sau:

6.1.1. Về một nền giáo dục đại học đại chúng

1/ Thế giới hiện nay vẫn dùng cách phân chia các giai đoạn phát triển giáo dục đại học, dựa vào tỷ lệ người được hấp thụ GDDH so với tổng số người ở độ tuổi đại học (từ 18 đến 22)

- Giai đoạn tinh hoa: Tỷ lệ đó dưới 15%

- Giai đoạn đại chúng: Tỷ lệ đó khoảng 15 ÷ 50%

- Giai đoạn phổ cập: Tỷ lệ đó trên 50%

2/ Thực tế quy mô GDDH ngày càng tăng không chỉ ở các nước đang phát triển mà cả ở các nước phát triển.

- Đối với các nước đang phát triển, do mức tăng trưởng kinh tế phải tăng để đạt được mức thu nhập trung bình và trên trung bình.

- Đối với các nước phát triển là do chuyển từ "xã hội hậu công nghiệp" sang nền "kinh tế tri thức và xã hội thông tin".

Nước ta đang tiến hành CNH - HĐH trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường tạo động lực mới cho sự phát triển sản xuất và tiêu dùng và cũng là động lực mới cho việc GD - ĐT,

đào tạo lại.

Mặt khác sự nghiệp CNH - HĐH nước ta đang đứng trước bối cảnh chung của thời đại và đang chịu tác động của nhiều yếu tố ngoại cảnh khác. Đó là xu thế mở cửa và hội nhập, kinh tế tri thức, xã hội thông tin.

Tức là nền kinh tế thực hiện sự chuyển dịch kép.

Xây dựng nền GDDH đại chúng là bước đi tất yếu quá độ từ xã hội nông nghiệp lên xã hội công nghiệp và xã hội thông tin.

Với nền GDDH đại chúng sẽ thu hút đông đảo các tầng lớp dân cư tham gia vào quá trình đào tạo và tự đào tạo, từ đó thành quả GDDH được nhiều người chia sẻ.

Vì lẽ đó, GDDH đại chúng là một giải pháp chiến lược thực hiện ý tưởng công bằng, bình đẳng, dân chủ trong GDDH. Đại học Mở phải coi đó là tôn chỉ, mục đích của mình.

6.1.2. Vì một xã hội học tập, học suốt đời

Xây dựng một xã hội học tập, học suốt đời trong những thập kỷ đầu thế kỷ 21 ở nước ta nhằm các mục đích sau:

* Làm cho mọi thành viên trong xã hội thực hiện quyền và trách nhiệm học tập, học thường xuyên, học suốt đời nhằm tạo nên sức mạnh trí tuệ toàn dân tộc.

* Tạo điều kiện cho mọi người có kỹ năng học tập, kỹ năng làm việc và kỹ năng sống để tạo nên năng lực sáng tạo, năng lực thích ứng của mỗi người trong một xã hội hiện đại: xã hội thông tin, xã hội học tập, xã hội tri thức.

* Xã hội học tập, học suốt đời là giải pháp chiến lược để thực hiện mục tiêu “bình đẳng về cơ hội học tập” ai ai cũng được HỌC - HÀNH, “học để biết, học để làm, học để chung sống, học để làm người”.

Đại học Mở với triết lý GD - ĐT của mình, với lợi thế về “Mở” và đặc biệt là sử dụng công nghệ đào tạo cho số đông phải coi việc xây dựng xã hội học tập, học suốt đời là nhiệm vụ chiến lược của mình.

6.2. Các quan điểm về phương pháp trong xây dựng chiến lược

6.2.1. Quan điểm hệ thống

Như ta đã biết, hệ thống là tập hợp các phần tử, các mối liên hệ ràng buộc, chi phối lẫn nhau giữa các phần tử đó để tạo nên một chỉnh thể. Hệ thống tồn tại và phát triển trong một môi trường nhất định. Với quan điểm này, khi xây dựng chiến lược nhà trường cần chú ý:

- Chiến lược nhà trường phải được xem xét như là một hệ thống.

Điều đó có nghĩa phân tích các bộ phận chiến lược thành phần, mối quan hệ giữa các bộ phận chiến lược thành phần gắn với mục tiêu của toàn bộ hệ thống chiến lược, phân tích “đầu vào”, “đầu ra” của hệ, môi trường của hệ đang xem xét...

- Phải có cách nhìn toàn cục, toàn diện hệ thống chiến lược và giải pháp đồng bộ để thực hiện chiến lược.

- Chiến lược nhà trường là “hệ con” của chiến lược ngành GD - ĐT, “hệ con” của hệ kinh tế - xã hội.

6.2.2. Quan điểm thông tin

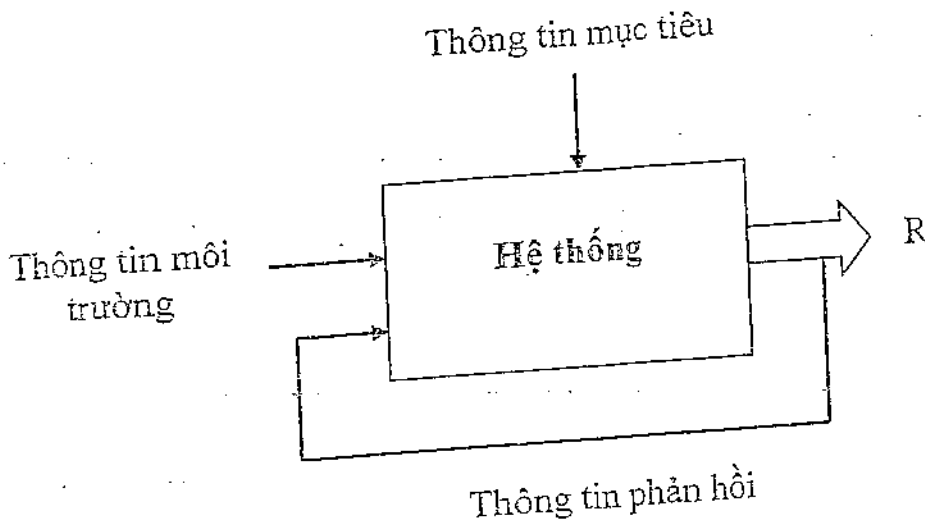
Hoạch định chiến lược thực chất là quá trình lập quyết định phát triển của trường trong một thời gian tương đối dài - gọi là quyết định chiến lược.

Quá trình lập quyết định là quá trình:

- Thu thập thông tin

- Xử lý thông tin
- Lập các phương án và lựa chọn phương án tốt nhất
- Ra quyết định của người quản lý

Có 3 loại thông tin cần thu thập, phân tích và xử lý, đó là :



VII. MỤC TIÊU TRỌNG TÂM CỦA CHIẾN LƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN 2012 - 2020 VÀ TẦM NHÌN TỚI NĂM 2030

Mục tiêu trọng tâm là mục tiêu chủ yếu, dài hạn bao trùm chỉ ra hướng đi và các mục tiêu cơ bản phải đạt được của chiến lược (có tính tới tầm nhìn xa hơn).

Mức độ đạt được của mục tiêu trọng tâm chính là tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện sứ mạng của nhà trường.

Mục tiêu trọng tâm của chiến lược phát triển Đại học Mở Hà Nội trong giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn 2030 là:

1/ Củng cố, phát triển Đại học Mở Hà Nội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mô hình giáo dục mở và từ xa (trong đó đào tạo từ xa là phương thức chủ yếu) trên cơ sở sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại chung chuẩn mực (cả số lượng và chất lượng) phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

2/ Phần đầu tới năm 2020, Đại học Mở Hà Nội thực sự trở thành trường Đại học trọng điểm của giáo dục mở và từ xa trong hệ thống giáo dục quốc dân và có vị

trí xứng đáng trong hệ thống các trường đại học mở khu vực Đông Nam Á và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Định hướng phát triển đào tạo của Viện Đại học Mở Hà Nội (gắn với xã hội học tập và học tập suốt đời) thể hiện ở những mặt sau:

- Thực hiện đào tạo theo tín chỉ ở tất cả các loại hình đào tạo.
- Đào tạo đại học không chính quy: từng bước chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm học 2014-2015 tại Viện và tại các cơ sở liên kết; Đổi mới chương trình, xây dựng và phát triển chương trình theo hướng mô-đun hóa của các bậc học, tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá độc lập các hệ đào tạo (phương thức đào tạo) theo chuẩn chính quy.
- Tham gia có hiệu quả và chuyên nghiệp trong việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho mọi đối tượng, thông qua các việc sau: 1) Đề án Ngoại ngữ 2020 của Chính phủ thông qua việc xây dựng chương trình nâng cấp tiếng Anh cho sinh viên trong Viện; tiến hành đánh giá năng lực ngoại ngữ của giáo viên trong hệ thống GDQD; bồi dưỡng năng lực tiếng, phương pháp giảng dạy cho các giáo viên chưa đạt chuẩn, và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ cho những người có trình độ ngoại ngữ có nguyện vọng làm giáo viên. 2) Bồi dưỡng cho giáo viên THCS về biến đổi khí hậu và ứng phó với thiên tai của UNESCO.

4. Tích cực tham gia các dự án đào tạo đại học và sau đại học, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp, ứng dụng CNTT, ngoại ngữ cho nguồn nhân lực. Tham gia tích cực trong các dự án về kiểm định chất lượng nguồn nhân lực, dự án giảng dạy ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân và dự án phát triển giáo viên THPT và THCS.

VIII. CÁC CHIẾN LƯỢC THEN CHỐT VÀ CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

Các chiến lược then chốt là tập hợp những hành động cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra theo phương hướng đã xác định. Nói cách khác chiến lược then chốt là những hoạt động chủ yếu mà nhà trường phải làm hoặc phải thay đổi để đạt được mục tiêu trọng tâm.

Sau đây là những chiến lược then chốt của Viện Đại học Mở Hà Nội trong giai đoạn 2008 - 2020.

1. Chiến lược đào tạo.
2. Chiến lược nghiên cứu khoa học.
3. Chiến lược công nghệ.
4. Chiến lược đầu tư (kể cả đầu tư xây dựng và đầu tư trang thiết bị).

8.1. Chiến lược đào tạo

8.1.1. Loại hình đào tạo

Căn cứ vào triết lý giáo dục mở và từ xa, vào hệ quan điểm chỉ đạo, các yếu tố của môi trường hoạt động, đặc biệt là chủ trương của Nhà nước, trực tiếp là Bộ Giáo dục - Đào tạo đối với mô hình Đại học Mở, loại hình đào tạo của Viện bao gồm: ..

- Đào tạo trực tiếp (chính quy và mở rộng).
- Đào tạo từ xa.
- Đào tạo vừa học vừa làm.

8.1.1.1. Các loại hình

1. Đào tạo trực tiếp (face to face)

a) *Đào tạo trực tiếp có 2 phương thức.*

+ Phương thức trực tiếp hệ chính quy.

+ Phương thức trực tiếp hệ ghi danh.

b) *Đặc điểm và vai trò của hệ chính quy và hệ ghi danh.*

*) *Đối với hệ chính quy.*

- Sinh viên phải qua một kỳ thi tuyển (hay xét tuyển) để đảm bảo chuẩn “đầu vào” của Bộ Giáo dục - Đào tạo.
- Quy mô trung bình và giữ ổn định trong một thời gian và có xu thế giảm dần.
- Giữ vị trí nòng cốt trong hệ thống đào tạo về chương trình, giáo trình, đội ngũ thầy giáo và chất lượng đào tạo.

Nó đặc biệt có ý nghĩa trong giai đoạn chuyển từ hệ chính quy tập trung sang hệ ghi danh tập trung.

*) Đối với hệ ghi danh.

- Sinh viên chỉ cần tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Quy mô lớn (theo khả năng phân đầu tối đa của trường về các nguồn học).
- Do “đầu vào” có thể chưa đạt chuẩn nên cần đội ngũ thầy giáo có trình độ và kinh nghiệm để truyền đạt, hướng dẫn, bồi dưỡng sinh viên.- “Đầu vào” rộng, sàng lọc chặt chẽ, “đầu ra” phải đạt chuẩn theo quy định (cả kiến thức và kỹ năng).
- Hệ này góp phần quan trọng để thực hiện ý tưởng giáo dục MỞ, đặc biệt là đối tượng thanh niên sau trung học.

2. Đào tạo từ xa.

a) Đặc điểm.

Đào tạo từ xa có đặc điểm sau:

- Sự gián cách giữa thầy và trò trong phần lớn quá trình đào tạo.
- Sử dụng các phương tiện truyền tải thông tin (rất đa dạng và ngày càng hiện đại) để liên kết các nỗ lực giữa thầy và trò, bảo đảm người học nắm vững nội dung khóa học (cả kiến thức và kỹ năng).
- Có vai trò quản lý của nhà trường.

b) Vai trò

Đây là loại hình đào tạo trung tâm của các trường Đại học Mở. Bởi lẽ loại hình này có khả năng thu hút rất đông đảo người học khắp mọi nơi, mọi lúc. Các rào cản về không gian, thời gian trong đào tạo được khắc phục cơ bản do áp dụng công nghệ ĐTTX ngày càng hiện đại nhờ có các thành tựu về khoa học tin học - viễn thông.

3. Đào tạo hệ vừa học vừa làm

Đây là loại hình giúp cho người đi làm có thể vẫn được đào tạo theo phương thức học tập trung định kỳ kết hợp với tự học.

Loại hình này cũng góp phần đào tạo nguồn nhân lực, học liên tục cho một bộ phận dân cư, đặc biệt với những người đang đi làm.

Để thực hiện nền đại học đại chúng, hơn nữa theo quy luật cung - cầu về đào tạo, Đại học Mở Hà Nội, vẫn đáp ứng theo khả năng của mình.

8.1.1.2. Chỉ tiêu cụ thể của các loại hình.

1. Giai đoạn hiện tại (tính tới tháng 6/2012)

Loại hình đào tạo	Quy mô	Tỷ trọng
- Hệ chính quy	17.541	33%
<i>Trong đó:</i>		
+ Chính quy:	12.185	
+ Liên thông	3.115	
+ VB2	2.241	
- Hệ từ xa	33.310	62,5%
- Hệ VH - VL	2.364	4,5%
Tổng	53.215	100%

2. Giai đoạn 2012 - 2015 (dự tính).

Loại hình đào tạo	Tỷ trọng
- Hệ chính quy	20%
- Hệ ghi danh trực tiếp	20%
- Hệ từ xa	56%
- Hệ VH - VL	4%
Tổng	100%

3. Giai đoạn 2016 - 2020 (dự tính).

Loại hình đào tạo	Tỷ trọng
- Hệ chính quy	14%
- Hệ ghi danh trực tiếp	28%
- Hệ từ xa	58%
- Hệ VH - VL	2%
Tổng	100%

4. Nhịp điệu tăng trưởng

Năm 2015/ 2012:	130% - 150%
Năm 2020/ 2015:	150% - 170%

8.1.2. Ngành nghề đào tạo

1/ Đại học Mở Hà Nội hiện nay là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

- Hiện đang đào tạo: 16 ngành/ chuyên ngành
- Thuộc các lĩnh vực:
 - Khoa học kinh tế và quản trị doanh nghiệp.
 - Khoa học công nghệ.
 - Khoa học xã hội - nhân văn.

2/ Hướng phát triển ngành đào tạo trong giai đoạn 2012 - 2020.

- Củng cố, phát triển các ngành học hiện có.
- Mở thêm các ngành mới, các lĩnh vực mới theo nhu cầu của xã hội.

3/ Chi tiêu.

* Giai đoạn 2011 - 2015, mở thêm:

* Đào tạo chính quy:

- + Ngành CNTT: chuyên ngành Thương mại điện tử
- + Ngành Kế toán: chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích

* Đào tạo từ xa:

- + Quản trị Du lịch, Khách sạn
- * Giai đoạn 2016 - 2020, mở thêm

* Đào tạo bậc Thạc sỹ, Tiến sỹ:

- + Mở thêm 01 chuyên ngành đào tạo bậc Thạc sỹ: ngành Tiếng Trung Quốc.
- + Mở thêm 01 chuyên ngành đào tạo bậc Tiến sỹ: ngành CNSH.

Tổng số: 7 chuyên ngành đào tạo ở bậc Thạc sỹ và 02 chuyên ngành đào tạo bậc Tiến sỹ

* Đào tạo chính quy:

- + Ngành QTKD: mở thêm 4 chuyên ngành: Truyền thông, Quản lý công, Thương Mại, Kinh tế tài nguyên.
- + Ngành CNSH: mở thêm 4 chuyên ngành: CNSH môi trường, CNSH Y - Dược, CNSH Thực phẩm, CNSH Nông nghiệp.
- + Ngành Luật: thêm 1 chuyên ngành: Luật Hiến pháp – Hành chính
- + Ngành tiếng Trung Quốc: thêm 2 chuyên ngành: Kinh tế - Tài chính,

Du lịch

* Đào tạo từ xa: Mở thêm các chuyên ngành đào tạo:

- + Hành chính công

- + Môi trường
- + Hướng dẫn Du lịch quốc tế
- + Tiếng Trung Quốc
- + Công nghệ sinh học

(Trích từ chiến lược của Phòng Đào tạo)

8.1.3. Chương trình đào tạo

Thiết kế chương trình đào tạo theo định hướng sau:

1/ Chương trình đào tạo của các ngành học và bậc học phải bảo đảm khung đào tạo của Bộ Giáo dục - Đào tạo, đồng thời phải từng bước hiện đại theo các tiêu chuẩn quốc tế.

2/ Loại hình đào tạo khác nhau, nhưng chương trình đào tạo là duy nhất. Đó là chương trình chính quy.

3/ Chương trình thiết kế theo hệ tín chỉ.

4/ Chương trình phải liên thông giữa các bậc học.

5/ Giới hạn các môn học bắt buộc, tăng các môn học tự chọn.

(Bỏ một số môn trong chương trình đào tạo được Bộ quy định đối với đào tạo từ xa như: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng).

8.1.4. Bậc học

1/ Đại học Mở Hà Nội là một trường Đại học đào tạo đa cấp độ:

Cao đẳng.

Đại học (Cử nhân, kỹ sư).

Sau đại học (Thạc sỹ, tiến sỹ).

2/ Trong giai đoạn 2012 - 2015 phải thực hiện các chỉ tiêu:

- Củng cố, duy trì đào tạo cao học của 3 ngành hiện đại (Quản trị kinh doanh, Điện tử viễn thông, Tiếng Anh).

- Hoàn thành thủ tục và triển khai đào tạo cao học cho tất cả các ngành còn lại (Công nghệ sinh học, công nghệ tin học, du lịch, tạo dáng công nghiệp, tài chính - ngân hàng).

- Chuẩn bị các điều kiện để đào tạo tiến sỹ cho 2 - 3 ngành (đã đào tạo cao học).

- Chuẩn bị điều kiện đào tạo cao học theo loại hình từ xa.

3/ Giai đoạn 2015 - 2020.

- Mở rộng quy mô đào tạo cao học (theo phương thức trực tiếp) cho tất cả các ngành hiện có.

- Triển khai 2 – 3 ngành đào tạo cao học theo loại hình đào tạo từ xa.

- Đào tạo tiên sỹ cho 2 – 3 ngành đã chín muồi về điều kiện.

8.1.5. Chất lượng đào tạo

Đảm bảo sinh viên tốt nghiệp: Làm được việc và được làm.

Cụ thể là:

- Sinh viên tốt nghiệp phải có 4 kỹ năng:
 - + Kỹ năng nghiệp vụ (kiến thức + thực hành).
 - + Kỹ năng mềm.
 - + Kỹ năng tin học.
 - + Kỹ năng ngoại ngữ.
- Sinh viên có khả năng tự học, lao động sáng tạo, tư duy độc lập, có năng lực xử lý tình huống, thích nghi với thị trường lao động.
- Sinh viên phải đạt chuẩn về thái độ: phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, thái độ phục vụ.

8.1.6. Mạng lưới đào tạo

1/ Do tính đặc thù của Đại học Mở, quy mô đào tạo lớn, trải rộng ra nhiều địa phương, phạm vi hoạt động trong cả nước (một số trường Đại học Mở trên thế giới, địa bàn hoạt động không chỉ ở trong nước mà còn vươn ra thị trường giáo dục quốc tế).

Mạng lưới đào tạo có thể có các mô hình sau:

➤ **Mô hình 1:** Đại học Mở Hà Nội là cơ sở trung tâm và liên kết với các Trung tâm Giáo dục thường xuyên ở các địa phương.

➤ **Mô hình 2:** Đại học Mở Hà Nội là cơ sở trung tâm và liên kết với các trường đại học khác.

➤ **Mô hình 3:** Đại học Mở Hà Nội là cơ sở trung tâm và có các Trạm trực thuộc Viện đặt tại nhiều địa phương.

➤ **Mô hình 4:** Đại học Mở Hà Nội là cơ sở trung tâm, có các Trạm trực thuộc Viện ở các địa bàn trọng điểm và các cơ sở vệ tinh đặt ở nơi liên kết với Viện (như các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, các trường đại học).

2/ Lựa chọn mô hình:

• Trong giai đoạn 2012 - 2015.

- Mô hình 2 là chủ yếu + Trung tâm Đại học Mở tại Đà Nẵng.

- Hình thành các Trạm trực thuộc tại các thị trường giáo dục lớn như: Vinh (Nghệ An); Thanh Hóa; phía Bắc Hà Nội, Nam Định, Quảng Bình, Tây Nguyên, Nha Trang, Bình Định, Trường Sa.

• Trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Mở rộng nhiều Trạm cho hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Thành lập Trạm đào tạo từ xa cho bà con Việt kiều tại Lào, Campuchia.

8.1.7. Lộ trình thực hiện chiến lược đào tạo

Để thực hiện chiến lược đào tạo có tính đột phá này cần phải có lộ trình nhất định.

1/ Phải tạo ra sự đồng thuận của các nhà quản lý giáo dục.

- Muốn vậy: + Làm rõ nội hàm giáo dục đại chúng.

+ Làm rõ lợi ích của Giáo dục đại chúng với nền kinh tế - xã hội.

+ Làm rõ chức năng Đại học Mở để thực hiện giáo dục đại chúng.

- Cách làm: + Tổ chức nhiều Hội thảo khoa học.

+ Đưa các nhà quản lý khảo sát tại 2 trường: Đại học Mở Ramkhamheng và Đại học Mở Vương Quốc Anh.

2/ Phải tạo ra sự đồng thuận trong xã hội.

Biện pháp cơ bản:

- Đào tạo có chất lượng tốt hệ chính quy.

- Đào tạo có chất lượng hệ từ xa, trước hết là tuân thủ nghiêm ngặt quy trình đào tạo.

3/ Phải tuyên truyền phổ biến sâu rộng hơn nữa các loại hình đào tạo mới trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8.2. Chiến lược nghiên cứu khoa học

8.2.1. Định hướng chiến lược nghiên cứu khoa học

Ngay từ khi thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội, Chính phủ đã giao cho Viện, hai chức năng:

ĐÀO TẠO và NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tuy nhiên do vị trí, đặc thù của Viện, hướng nghiên cứu nên tập trung vào hai mũi nhọn.

a) Nghiên cứu cơ bản: chỉ tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu giáo dục mở và từ xa.

b) Các ngành công nghệ, khoa học kinh tế, xã hội nhân văn tập trung vào nghiên cứu ứng dụng và triển khai (R-D).

8.2.2. Tổ chức thực hiện

1/ Đại học Mở Hà Nội phải hướng tới xây dựng một trung tâm quốc gia về nghiên cứu đào tạo từ xa (bao gồm nhiều chủ đề như: Sư phạm học ĐTTX, công nghệ ĐTTX, quản trị ĐTTX, những vấn đề kinh tế ĐTTX...)

2/ Các khoa chuyên ngành (Điện tử-Viễn thông, Công nghệ Sinh học, Tạo dáng công nghiệp, Du lịch, Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Tài chính - ngân hàng, ...) phải bám sát thực tiễn hợp tác với nhà sản xuất để tìm "đầu ra" cho sản phẩm nghiên cứu hoặc phải nâng cao năng lực cạnh tranh để trúng thầu đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ.

3/ Có chính sách thu hút giảng viên trong và ngoài trường tham gia nghiên cứu khoa học, sáng chế, phát minh góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước.

4/ Mở rộng hợp tác với các trường Đại học quốc tế, đặc biệt là các trường Đại học Mở trong khu vực Đông Nam Á, khôi các trường trong tổ chức AAOU và các nước khác.

8.2.3. Chỉ tiêu thực hiện

1/ Giai đoạn 2012 - 2015.

Trúng thầu:

- + 1 đề tài cấp Nhà nước.
- + 2 – 3 đề tài cấp Bộ hoặc cấp tỉnh, thành phố.
- + 4 – 8 hợp đồng nghiên cứu khoa học với các doanh nghiệp và các trường học, Viện nghiên cứu.

2/ Giai đoạn 2016 - 2020.

Trúng thầu:

- + 1 - 2 đề tài cấp Nhà nước.
 - + 3 - 5 đề tài cấp Bộ.
 - + 8 - 12 hợp đồng nghiên cứu khoa học.
- 3/ Ngoài ra có những đề tài cấp trường, do Nhà trường xác định hàng năm.

8.3. Chiến lược công nghệ

- Công nghệ hiện đại ngày càng trở thành một công cụ hữu hiệu để giúp Nhà trường phát triển về quy mô đào tạo cũng như quản lý đào tạo. Chính bởi vậy Nhà trường phải tập trung phát triển, ứng dụng công nghệ tiên tiến để phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ chính trị của Viện.

- Phát triển KH&CN là nhiệm vụ trọng tâm của Viện ĐH Mở Hà Nội nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao thương hiệu, uy tín của Viện trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Viện Đại học Mở Hà Nội tạo mọi điều kiện tốt nhất để các nhà khoa học có thể phát huy tối đa năng lực nghiên cứu KH&CN của mình.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.

- Tăng cường năng lực ứng dụng khoa học công nghệ của đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên trong toàn Viện;

8.4. Chiến lược đầu tư

- Đề nghị Nhà nước đầu tư cho Viện Đại học Mở Hà Nội để tăng cường cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo từ xa, cụ thể:

- Đề nghị Nhà nước ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng trụ sở mới hoặc mở rộng trụ sở chính cho Đại học Mở Hà Nội phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chiến lược đã đề ra đối với Đại học Mở.

- Đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí để Viện xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Thư viện điện tử, Trung tâm sản xuất học liệu, Trung tâm khảo thí, Trung tâm thông tin, hệ thống thiết bị mạng...

Tăng cường đầu tư tài chính cho xây dựng cơ bản, mua máy móc thiết bị.

Tăng cường các chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn nhân lực cao. Mời giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn tốt đang công tác tại các Trường, các Học viện trong khu vực Hà Nội hoặc giáo viên tình nguyện nước ngoài đến công tác tại Viện để thu hút nguồn lực chất xám.

Khuyến khích cán bộ, giảng viên trẻ của Viện du học bằng các nguồn học bổng nước ngoài và trong nước theo các đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Khuyến khích cán bộ, viên chức của Viện tham gia các lớp sau Đại học, làm nghiên cứu sinh, nâng cao trình độ chuyên môn.

Thuê tư vấn, nghiên cứu xây dựng các quy trình quản lý theo mô hình tin học hóa. Triển khai các hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ, ứng dụng vào thực hiện nhiệm vụ của Phòng.



TS. Lê Văn Thanh

PHỤ LỤC 1
GIỚI THIỆU SỨ MẠNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA MỘT SỐ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1. Sứ mạng của Đại học Kinh tế Quốc dân

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là người đảm bảo uy tín có trình độ và chất lượng cao cho nhà nước và mọi doanh nghiệp về sản phẩm đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học kinh tế, quản trị kinh doanh và xã hội nhân văn.

2. Sứ mạng của Đại học Huế

Là một đại học đa ngành đóng trên một khu vực có các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội rất đặc trưng. Đại học Huế có sứ mạng trọng đại với các chức năng chủ yếu: Đào tạo và nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng và triển khai các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào cuộc sống. Đại học Huế phấn đấu để trở thành một đại học có chất lượng cao của hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam, đồng thời đảm trách tốt nhất chức năng một điểm tựa tin cậy cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

3. Sứ mạng Đại học Quốc gia Hà Nội

Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, giáo dục và công nghệ có phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn tốt, chất lượng cao, tuyển chọn và cung cấp nhân tài cho đất nước; Là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín hàng đầu quốc gia, ngang tầm với các trung tâm lớn có tên tuổi trong khu vực và trên thế giới; Là chỗ dựa về chuyên môn, học thuật cho các trường đại học và cao đẳng trong phạm vi cả nước.

Nghiên cứu ứng dụng và triển khai khoa học, công nghệ, chú trọng khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, khoa học công nghệ cao và các ngành mũi nhọn, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học, gắn kết nhà trường với sản xuất.

Tham gia hoạch định chính sách của nhà nước về giáo dục và đào tạo, kinh tế và xã hội.

4. Sứ mạng của Đại học Không trung Nhật Bản (University of Asia)

Thành lập vào 4/ 1985, Đại học Không trung Nhật Bản cung cấp một mô hình đại học mới, mềm dẻo. Hợp tác với các trường đại học khác nhằm áp dụng những kiến thức và công nghệ giảng dạy mới trong giáo dục đại học nhằm tạo điều kiện cho những người đang làm việc hoặc không học được đại học vì nhiều lý do có cơ hội đi học hoặc cải thiện điều kiện hiện có.

5. Sứ mạng của Đại học Mở Shukhothai Thamathirat Thái Lan

"... là một trường đại học Mở theo nguyên tắc của giáo dục suốt đời nhằm mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân, đáp ứng nhu cầu luôn luôn tăng lên của giáo dục..."

6. Sứ mạng của trường Đại học Tổng hợp Hàm thụ và Không trung Hàn Quốc (Korea Asia and Correspondence University) (Được thành lập năm 1972)

"... cung cấp cơ hội học đại học cho những người tốt nghiệp trung học mà không theo học được các trường đại học truyền thống, nâng cao trình độ của những người đang làm việc. Từ đó đóng góp quan trọng việc nâng cao phúc lợi quốc gia ..."

7. Giá trị của đại học Syney

Đại học Syney có các giá trị:

- Cam kết các nhà khoa học được tự do phát triển, được ghi nhận những ý tưởng quan trọng, được tự do theo đuổi, tìm hiểu một cách có phê phán trong mọi lĩnh vực được chịu trách nhiệm với xã hội.
- Trong quan hệ với mọi thành viên đều khoan dung, trung thực, được tôn vinh (thông qua hội đồng nhà trường).
- Quan tâm để hiểu nhu cầu và mong muốn của sinh viên, để không ngừng hoàn thiện nâng cao chất lượng giáo trình, cơ sở vật chất cho giảng dạy và đảm bảo phục vụ giảng dạy tốt.

8. Đại học Melbourne

- Duy trì các chuẩn mực quốc tế cao nhất về đạo đức và chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Nâng cao trí tuệ, văn hoá, kinh tế và phúc lợi xã hội của Melbourne, bang Victoria và cả nước Úc.
- Hợp tác với các đại học trên thế giới để làm phong phú các bài giảng, nâng cao chất lượng bài giảng, nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động nghiên cứu trong cộng đồng quốc tế.
- Bảo vệ tự do về học thuật cho tất cả đội ngũ giảng viên và sinh viên trong việc thực hiện các nghiên cứu hay cơ hội trình bày trước công chúng.

PHỤ LỤC 2

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CỦA VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI QUA CÁC VĂN BẢN CỦA BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

1. QĐ 535/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội.

" ... Đại học Mở là một tổ chức hoạt động trong hệ thống đại học quốc gia được hưởng mọi quy chế của một trường đại học công lập ..."

2. Chiến lược Phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2020 trong phần hoàn chỉnh mạng lưới và tăng cường cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo đã khẳng định :

" ... phát triển giáo dục từ xa như một giải pháp chiến lược để đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của đông đảo nhân dân ..."

3. Đề án tổng thể về phát triển giáo dục từ xa của Bộ Giáo dục & Đào tạo xác định:

"... xây dựng hai trung tâm giáo dục từ xa quốc gia. Đại học Mở Hà Nội và Đại học Mở Tp HCM đóng vai trò như hai trung tâm quốc gia về giáo dục từ xa theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (về việc thành lập hai đại học Mở nói trên)".

PHỤ LỤC 3
TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO MỞ VÀ TỪ XA CỦA
MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Tên trường	Năm thành lập	Số lượng sinh viên đang theo học
Đại học Mở Sukhothai Thamathirat Thái Lan	1978	> 200.000
Đại học Mở Terbuka Indonexia	1985	≈ 200.000
Đại học Mở Malaysia	2000	≈ 23.000
Đại học Mở Philipin		

TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA Ở VIỆT NAM

Tên trường	Số sinh viên đang theo học	Tên trường	Số sinh viên đang theo học
Viện Đại học Mở HN	30.000	ĐH Quốc gia Tp HCM	12.658
Đại học Mở Tp HCM	45.519	Đại học Duy Tân	3.400
Đại học Sư phạm HN 1	45.327	Đại học Đà Lạt	931
Đại học Kinh tế Quốc dân	2.500	Đại học Hồng Bàng	4.215
Học viện CN-BC-VT	4.570	Đại học Bình Dương	13.900
Đại học Hà Nội	2.437	Đại học Đồng Tháp	560
Đại học Sư phạm Vinh	960	Đại học Trà Vinh	2.300
Đại học Sư phạm 2	400	ĐH KT - CN- Tp HCM	12.792
Đại học Huế	48.038	Đại học Cần Thơ	8.120
Đại học Đà Nẵng	14.541	Đại học KD - CN HN	290

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Đơn vị: Khoa Luật

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CẤP KHOA

GIAI ĐOẠN 2012 - 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Chức năng: Là một đơn vị đào tạo ngành Luật thuộc Viện Đại học Mở Hà Nội.

Nhiệm vụ

- Căn cứ Quyết định số 6101/KHTC ngày 06/9/1994 về việc cho phép Viện Đại học Mở Hà Nội được đào tạo ngành Luật;

- Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-BGDĐT ngày 20/02/2009 về việc giao cho Viện Đại học Mở Hà Nội đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật Kinh tế và Luật Quốc tế;

- Căn cứ Quyết định số 3795/QĐ-BGDĐT ngày 20/9/2012 về việc cho phép Viện Đại học Mở Hà Nội đào tạo chuyên ngành Công nghệ sinh học và Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ;

- Căn cứ Quy chế tổ chức của Viện Đại học Mở Hà Nội,

Khoa Luật - Viện Đại học Mở Hà Nội có nhiệm vụ đào tạo 02 chuyên ngành bậc đại học: Luật Kinh tế (52 38 01 07), Luật Quốc tế (52 38 01 08) và đào tạo Sau đại học trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế (60 38 01 07).

Hiện nay, Khoa Luật đang tiến hành đào tạo bậc đại học hai chuyên ngành trên với các loại hình chính quy, vừa làm vừa học đồng thời phối hợp với Khoa Đào tạo từ xa đào tạo hệ từ xa ngành Luật Kinh tế; bên cạnh đó, đào tạo Sau đại học trình độ Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế hệ tập trung.

“Thiếu vắng một chiến lược, một tổ chức giống như một con thuyền không có bánh lái.” - Joel Ross & Michael Kami.

Các cơ sở đào tạo hiện nay cũng giống như các doanh nghiệp đang phải cạnh tranh trong một môi trường toàn cầu hóa đầy biến động, đòi hỏi phải có một chiến lược phát triển phù hợp để khai thác một cách hiệu quả những cơ hội và chuẩn bị những điều kiện tốt nhất để đối mặt với những thách thức đang đặt ra nhằm đạt tới hiệu quả cao và sự phát triển bền vững.

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Viện Đại học Mở Hà Nội, Khoa Luật xây dựng Chiến lược phát triển cấp Khoa giai đoạn từ nay đến 2020, tầm nhìn đến 2030 trên cơ sở nhận định những cơ hội cũng như thách thức trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay đối với sự phát triển của Khoa; từ đó, đưa ra mục tiêu, chiến lược định hướng phát triển cũng như giải pháp trên 02 khía cạnh: **Đào tạo và Nghiên cứu khoa học.**

1. Căn cứ pháp lý để xây dựng Chiến lược phát triển Khoa

- Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI chỉ ra rằng *“Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”* là một trong 3 đột phá chiến lược.

- Quyết định số 711/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 13/6/2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020

- Luật Giáo dục Đại học 2012

- Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội

- Quyết định số 6101/KHTC ngày 06 tháng 9 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Viện Đại học Mở Hà Nội được đào tạo ngành Luật

- Quyết định số 1050/GD-ĐT ngày 28 tháng 3 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Khoa Luật thuộc Viện Đại học Mở Hà Nội

2. Đặc điểm tình hình

Giáo dục nước ta trong thập kỷ tới phát triển trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh chóng và phức tạp. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới. Trong bối cảnh đó, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI và Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định một trong ba đột phá là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Hòa cùng sự phát triển của nền giáo dục nước nhà, Khoa Luật - Viện Đại học Mở Hà Nội cũng tự nhận thức được những thuận lợi cũng như thách thức cần phải đổi mới trong tình hình mới.

2.1. Thuận lợi

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm vừa qua và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, cùng với

Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực trong thời kỳ dân số vàng là tiền đề cơ bản để ngành giáo dục cùng các bộ, ngành, địa phương phát triển giáo dục.

Thứ hai, đối với ngành khoa học pháp lý, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao đang trở thành đòi hỏi cấp thiết hơn bao giờ hết.

Đầu tiên là mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền của nhà nước ta được nêu rõ trong Hiến pháp và Văn kiện Đại hội Đảng các khóa. Điều 2 Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2001 khẳng định: “*Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.*”. Trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân một lần nữa được nhấn mạnh và trở thành một trong những phương hướng cơ bản được Đảng đề ra.

Bên cạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền, vấn đề phát triển về kinh tế - xã hội cũng đặt ra những nhu cầu bức thiết về đội ngũ nhân lực có trình độ pháp lý cao. Trong 20 năm trở lại đây, việc gia nhập các tổ chức hợp tác khu vực và các tổ chức quốc tế như AFTA, ASEAN, WTO... đã mở ra cho hàng ngàn doanh nghiệp trong nước những cơ hội giao thương, đồng thời đòi hỏi bản thân mỗi doanh nghiệp phải trang bị kiến thức pháp lý về điều ước quốc tế, về tập quán thương mại quốc tế, về pháp luật nước bạn hàng và cần dự liệu cả những rủi ro có khả năng gặp phải. Những vấn đề đó đòi hỏi ở Việt Nam một đội ngũ doanh nhân, trí thức có kiến thức pháp lý sâu rộng.

Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nghề luật sư ở Việt Nam đến năm 2020 cũng đặt ra yêu cầu trong công tác quản lý Nhà nước, từ nay đến năm 2020 phải đào tạo được 20.000 luật sư, trong đó có nhiều luật sư phải đạt trình độ khu vực và quốc tế, đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Một vài định hướng và chính sách điển hình trên của Đảng và Nhà nước ta

đã đưa ra một góc nhìn khái quát về nhu cầu của xã hội đối với đội ngũ nhân lực pháp lý tại thời điểm hiện nay.

Thứ ba, cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học. Không chỉ dừng lại ở việc cải thiện điều kiện học tập, cập nhật ứng dụng hiện đại để nâng cao chất lượng bài giảng, sự phát triển của khoa học công nghệ còn đem lại nhiều lợi ích và cơ hội học tập cho các đối tượng khác nhau trong xã hội. Cùng với định hướng đa dạng loại hình đào tạo nhằm thực hiện sứ mệnh “mở cơ hội học tập cho tất cả mọi người”, đây là một trong những điều kiện tốt để Khoa Luật - Viện Đại học Mở Hà Nội phát triển các loại hình đào tạo từ xa, trực tuyến... Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi Viện Đại học Mở Hà Nội là một cơ sở đào tạo luôn coi đào tạo từ xa là nhiệm vụ chính trị.

Thứ tư, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

Năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO; năm 2009, Việt Nam mở cửa thị trường giáo dục, chính thức tham gia vào sân chơi chung quốc tế. Riêng đối với Viện Đại học Mở Hà Nội, đến thời điểm hiện nay, Viện đang là thành viên chính thức của Hiệp hội các trường đại học Mở Châu Á (AAOU) và là thành viên của Hội đồng quản trị SEAMOLEC (Trung tâm Đào tạo Mở và Từ xa thuộc Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á). Viện cũng thường xuyên trao đổi các hoạt động khoa học, báo cáo các công trình nghiên cứu tại các hội nghị quốc tế về giáo dục mở và đào tạo từ xa. Đây là một trong những mối quan hệ quan trọng của Viện nói chung và Khoa Luật nói riêng trong việc phát triển loại hình đào tạo từ xa.

Bên cạnh đó, hiện nay, nhiều trường đại học nước ngoài, tổ chức pháp lý, các tổ chức phi chính phủ như Trung tâm nhân quyền thuộc Khoa Luật - Đại học Tổng hợp Oslo (Na Uy), Cộng đồng các nước ngôn ngữ Pháp, các tổ chức phi chính phủ thuộc Liên hợp quốc như UNDP, UNICEF... sẵn sàng hỗ trợ tài lực, trí lực trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo; trao đổi, tập huấn sinh viên, hỗ trợ học bổng... cho các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam với mục tiêu “cùng phát triển”. Không chỉ hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, đây còn là cơ hội tốt để Khoa Luật nói riêng và Viện Đại học Mở Hà Nội nói chung quảng bá hình ảnh cũng như thương hiệu của mình trên bản đồ giáo dục quốc tế.

2.2. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội, những thuận lợi nêu trên, Khoa Luật cũng nhận thấy cần chuẩn bị những điều kiện để đối mặt với thách thức trong tình hình mới.

Thứ nhất, nhu cầu phát triển nhanh giáo dục đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế theo chiều sâu tri thức đòi hỏi một sự đầu tư nghiêm túc trong khi nguồn lực đầu tư cho giáo dục là có hạn. Điều đó vô hình chung tạo sức ép đối với phát triển giáo dục.

Không nằm ngoài vòng xoáy suy thoái kinh tế quốc gia và quốc tế, các trường đại học phải đưa ra những chính sách thắt chặt chi tiêu nội bộ, đảm bảo nguồn thu để duy trì sự tồn tại, phát triển của trường và đảm bảo đời sống cho cán bộ giáo viên. Một trong những cách thức để tăng nguồn thu của các trường là mở thêm lớp, mở thêm loại hình đào tạo, ngành đào tạo. Trong khi đó, để được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở bất kì một loại hình đào tạo, ngành đào tạo nào, cơ sở buộc phải chứng minh khả năng về nhân lực và về cơ sở vật chất. Điều đó đồng nghĩa với việc nhà trường gặp phải vòng tròn của bài toán tài chính trong việc tập trung nguồn lực để đầu tư “chứng minh năng lực của cơ sở đào tạo”.

Thứ hai, cùng với sự gia tăng nhu cầu học tập của quốc dân, bên cạnh các cơ sở giáo dục truyền thống, có rất nhiều trường đại học mới được thành lập. Điều

đó đồng nghĩa với việc Viện Đại học Mở Hà Nội phải một mặt nâng cao chất lượng giáo dục của mình, mặt khác phải khẳng định thương hiệu để tăng khả năng cạnh tranh với các cơ sở đào tạo khác.

Thứ ba là đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Tính đến nay, đội ngũ cán bộ giảng viên cả cơ hữu cả thỉnh giảng của Khoa Luật gồm gần 200 người, bao gồm nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và thạc sĩ. Thời gian tới, đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu của Khoa cần được tăng cường hơn nữa về cả chất và lượng để đảm bảo phù hợp với quy mô đào tạo ngày một tăng lên.

Cùng với sự biến đổi không ngừng của tình hình kinh tế - xã hội, của nền giáo dục trong nước và quốc tế, những thách thức trên đặt ra yêu cầu phải đổi mới và hoàn thiện cả về lý luận cũng như những giải pháp thực tiễn phù hợp để phát triển công tác đào tạo của Khoa, của Viện.

3. Chiến lược Đào tạo và Nghiên cứu khoa học giai đoạn từ nay đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030

3.1. Chiến lược Đào tạo

3.1.1. Loại hình đào tạo

Hướng tới phục vụ nhu cầu học tập của đa dạng đối tượng học viên, hiện nay, Khoa Luật đang tổ chức đào tạo 02 loại hình chính: chính quy, vừa làm vừa học đồng thời phối hợp với Khoa Đào tạo Từ xa tổ chức loại hình đào tạo từ xa.

Được thành lập từ năm 1995 theo Quyết định số 1050/QĐ-TCCB của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Khoa Luật đã từng bước ổn định và phát triển. Qui mô đào tạo hiện nay của Khoa gồm 871 sinh viên chính quy; Vừa học vừa làm bằng đại học thứ nhất: 655 sinh viên; Bằng đại học thứ hai: 739 sinh viên.

Đối với loại hình đào tạo từ xa, Khoa Luật phối hợp cùng Khoa Đào tạo Từ xa trong công tác đào tạo và công tác chuyên môn. Mạng lưới đào tạo từ xa ngành

Luật Kinh tế được trải rộng trên nhiều tỉnh, thành phố, phục vụ rộng rãi nhu cầu học tập của nhân dân; đặc biệt, những vùng miền còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất phục vụ học tập. Đến nay, quy mô đào tạo của loại hình từ xa ngành Luật Kinh tế khoảng 15.000 sinh viên.

Trong giai đoạn chiến lược, mục tiêu của Khoa là ổn định quy mô đào tạo chính quy, trên cơ sở đó làm nền tảng cho các loại hình đào tạo khác, trong đó, đào tạo từ xa được coi là loại hình đào tạo mũi nhọn theo đúng Chiến lược phát triển mà Đảng ủy, Ban giám hiệu Viện Đại học Mở Hà Nội vạch ra: Đào tạo từ xa là chủ lực, chiếm trên 75%; đào tạo Chính quy chiếm 10%, Vừa làm vừa học chiếm tỷ trọng dưới 15%.

Cơ cấu này dự kiến sẽ ổn định trong vòng 10 năm tới.

3.1.2. *Bậc học*

Bối cảnh hiện nay đang đặt ra đòi hỏi lớn về nguồn nhân lực pháp lý đáp ứng sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh toàn cầu hóa. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI cũng chỉ ra rằng “*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ*” là một trong 3 đột phá chiến lược.

Là một cơ sở đào tạo đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đã có kinh nghiệm đào tạo cử nhân luật lâu năm, Khoa Luật tự ý thức trách nhiệm của mình trong việc cống hiến, cung ứng những chuyên gia có kiến thức pháp lý chuyên sâu cho đất nước bên cạnh sứ mạng phổ cập kiến thức pháp lý đến mọi giai tầng xã hội. Trên nền tảng gần 20 năm đào tạo bậc đại học ngành Luật Kinh tế và Luật Quốc tế, Khoa Luật đã xây dựng Đề án xin phép đào tạo Sau đại học trình độ Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế và được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận. Dự kiến,

trong những năm 2020 - 2025, Khoa sẽ tiến hành đào tạo Sau Đại học trình độ Tiến sĩ.

Với Quyết định số 6101/KHTC ngày 06/9/1994 về việc cho phép Viện Đại học Mở Hà Nội được đào tạo ngành Luật và Quyết định số 3795/QĐ-BGDĐT ngày 20/9/2012 về việc cho phép Viện Đại học Mở Hà Nội đào tạo chuyên ngành Công nghệ sinh học và Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ, đến nay, Khoa Luật đã chính thức có 02 bậc đào tạo: Đại học và Sau Đại học (trình độ Thạc sĩ).

Đặc biệt, Quyết định số 3795/QĐ-BGDĐT là căn cứ pháp lý quan trọng để ngành Luật Kinh tế có thể tổ chức đào tạo sau đại học, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho Đề án đào tạo Tiến sĩ ngành Luật Kinh tế trong tương lai (2020-2025) và dự kiến khi đã có từ 05-07 khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế ra trường. Đó cũng là thời gian cần thiết, hợp lý để những điều kiện về đào tạo tiến sĩ chuyên ngành được chuẩn bị đầy đủ.

3.1.3. Ngành, nghề đào tạo

Theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện Khoa Luật đã được cấp mã 02 ngành đào tạo đại học và 01 ngành đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ:

- Bậc đại học ngành Luật Kinh tế: 52 38 01 07
- Bậc đại học ngành Luật Quốc tế: 52 38 01 08
- Bậc Sau đại học trình độ Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế: 60 38 01 07

Dự kiến, trong những năm từ 2015-2020, Khoa sẽ chuẩn bị những điều kiện cần thiết về đội ngũ giảng viên, về cơ sở vật chất, xây dựng chương trình đào tạo để lập Đề án mở thêm ngành đào tạo Luật Hiến pháp - Hành chính ở bậc đại học.

3.1.4. Chương trình đào tạo

Là ngành đào tạo mang tính ứng dụng cao, luôn phải đáp ứng kịp thời những đòi hỏi và thay đổi của đời sống kinh tế, chính trị, pháp lý của đất nước, Chương trình đào tạo hiện nay của hai ngành Luật Kinh tế và Luật Quốc tế về cơ

bản là phù hợp. Căn cứ vào Chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế và Luật Quốc tế đã đáp ứng tốt tỷ trọng giữa khối kiến thức giáo dục cơ sở và kiến thức giáo dục chuyên ngành, đặc biệt là việc bổ sung số lượng các môn học tự chọn với rất nhiều môn học thiết thực, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên, tăng cường thời lượng thực hành, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá.

Kiên trì với định hướng đào tạo những gì xã hội cần, trong thời gian tới, bằng những khảo sát thực tế, Khoa sẽ tiến hành chỉnh lý, cập nhật toàn bộ chương trình đào tạo hai ngành Luật Kinh tế và Luật Quốc tế. Bên cạnh đó, Khoa cũng từng bước xây dựng Đề án xin cấp phép đào tạo cũng như Chương trình đào tạo chuẩn bị cho dự kiến mở thêm ngành đào tạo Luật Hiến pháp - Hành chính.

3.1.5. Chất lượng đào tạo

Qua gần 20 năm xây dựng và trưởng thành, các thế hệ sinh viên ngành luật của Viện Đại học Mở Hà Nội đã đem những kiến thức được đào tạo trong nhà trường phục vụ cho công việc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Ở loại hình đào tạo từ xa và vừa làm vừa học, đa số học viên là những người đã có việc làm và nhu cầu đến trường của họ là hoàn thiện kiến thức nhằm phục vụ trực tiếp công việc.

Ở loại hình đào tạo chính quy, theo số liệu điều tra, có khoảng trên 80% sinh viên luật ra trường có việc làm ngay trong năm đầu tiên sau khi ra trường, trong đó, có trên 50% có việc làm đúng ngành nghề được đào tạo. Nhiều người trong số họ đã thăng tiến và có cơ hội thăng tiến, giữ những trọng trách trong các cơ quan, doanh nghiệp...

Trên thực tế, có rất nhiều yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo.

Ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề đào tạo của cơ sở đào tạo là chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước và các Bộ ngành trung ương. Tại thời điểm này,

đó là Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, là Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, là Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020, Luật Giáo dục Đại học 2012 và nhiều văn bản khác.

Ngoài ra, một trong những yếu tố quan trọng tác động đến chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo là chất lượng đầu vào. Khác với cách hiểu thông thường, Khoa Luật bàn đến chất lượng đầu vào dưới góc độ lựa chọn những học viên “phù hợp nhất” chứ không phải “xuất sắc nhất”.

Mỗi cơ sở đào tạo có một sứ mạng riêng, mục tiêu riêng. Với Khoa Luật - Viện Đại học Mở Hà Nội, hướng tới sứ mạng chung của Viện - “*Cơ hội học tập cho tất cả mọi người*”, từ những ngày đầu thành lập, Khoa luôn xác định việc phổ cập giáo dục pháp luật, đem lại cơ hội tiếp cận tri thức pháp lý đến với tất cả mọi người là sứ mạng của ngành. Vì vậy, Khoa Luật không đòi hỏi đầu vào phải là những học viên xuất sắc nhằm đem lại cơ hội học tập đến với nhiều đối tượng học viên. Tuy nhiên, mặt khác, Khoa tập trung chú trọng đến chất lượng trong quá trình đào tạo, tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương với mục tiêu tạo ra sản phẩm cuối cùng tốt nhất cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Khi đó, chất lượng đào tạo sẽ được đánh giá bằng hiệu số giữa chất lượng chuẩn đầu ra và chất lượng chuẩn đầu vào; đó mới chính là thành công thực sự của cơ sở đào tạo.

Như trên đã phân tích, những yếu tố khách quan như chính sách, chủ trương của Nhà nước ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, yếu tố mang tính chất quyết định đến chất lượng đào tạo lại nằm trong chính bản thân của cơ sở đào tạo. Chương trình đào tạo, hình thức đào tạo (niên chế/tín chỉ), cơ chế quản lý đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy và ý thức của học viên, đó mới là những yếu tố làm nên chất lượng của cơ sở đào tạo.

Trên cơ sở đánh giá những yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo, trong thời gian chiến lược, bên cạnh việc giữ vững những thiết chế về quản lý chất lượng đào tạo, Khoa Luật tập trung hoàn thiện những điều kiện về cơ sở vật chất, về chương trình đào tạo, về đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý cũng như phương pháp trong giảng dạy và quản lý đào tạo với phương châm “Đào tạo những gì xã hội cần”.

3.2. Chiến lược về nghiên cứu khoa học

Luôn lấy nghiên cứu khoa học làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động đào tạo và phát triển, trong thời gian chiến lược, Khoa tiếp tục đầu tư tài lực và trí lực, cũng như khuyến khích hoạt động nghiên cứu và sáng tạo của giảng viên cũng như sinh viên theo hướng chuyên sâu, mang tính ứng dụng cao, bám sát nhu cầu thực tiễn hoàn thiện pháp luật và phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo của Khoa, của Viện.

Với đặc thù ngành đào tạo là ngành xã hội, hướng nghiên cứu Khoa Luật lựa chọn là Nghiên cứu cơ bản - ứng dụng, với các đề tài thuộc 02 lĩnh vực: |Quản lý đào tạo, Luật học.

Là đơn vị trong một cơ sở đào tạo, hàng năm, Khoa Luật luôn khuyến khích cán bộ, giảng viên trong Khoa đóng góp các đề tài nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị, hội thảo về quản lý đào tạo như đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng quản lý đào tạo... nhằm phục vụ trực tiếp hoạt động đào tạo.

Tuy nhiên, với chức năng, nhiệm vụ của một khoa chuyên môn, Khoa Luật tập trung chú trọng nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Luật học. Với việc thành lập 03 tổ bộ môn trong năm 2012, Khoa Luật dự định tiếp tục thành lập các bộ môn mới thuộc chuyên ngành Luật Kinh tế và Luật Quốc tế nhằm thúc đẩy quá trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu trong đội ngũ giảng viên cũng như nghiên cứu khoa học sinh viên của từng bộ môn.

Bên cạnh các đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành được đăng ký hàng năm ở cấp Viện, Khoa Luật dự kiến đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố trong những năm 2013 - 2015 và sẽ có những đề tài cấp Nhà nước trong vòng 10 năm tới.

4. Các giải pháp thực hiện chiến lược đào tạo và NCKH của Khoa

Để đạt được những mục tiêu chiến lược nêu trên, Khoa Luật nhận thấy cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

4.1. Hoàn thiện và đổi mới Chương trình đào tạo, phương pháp dạy - học trong bối cảnh chuyển đổi từ hình thức niên chế sang tín chỉ

- Chính lý hệ thống Đề cương môn học của các học phần của Chương trình đào tạo mới theo học chế tín chỉ trước khi đưa vào giảng dạy;

- Đổi mới cách thức tổ chức việc thực tập trong chương trình đào tạo (có thể dưới nhiều hình thức khác nhau, không nhất thiết dưới hình thức đi thực tập ngay trước khi tốt nghiệp như trong đào tạo theo niên chế);

- Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện cơ chế phản hồi của người học và của người sử dụng lao động về nội dung của Chương trình đào tạo.

- Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện cơ chế giám sát chất lượng đầu ra nhằm đáp ứng được yêu cầu của Chuẩn đầu ra (thông qua ý kiến phản hồi của người học, của người sử dụng lao động)

- Rà soát lại Chương trình đào tạo đại học nhằm hoàn thiện theo yêu cầu của Chuẩn đầu ra;

4.2. Chuẩn hóa công tác tổ chức đào tạo

- Rà soát, đánh giá công tác quản lý đào tạo các khóa sinh viên hệ chính quy và hệ phi chính quy; công tác sắp xếp, tổ chức kế hoạch học - thi;

- Xúc tiến quá trình xây dựng, ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 tại Khoa Luật - Viện Đại học Mở Hà Nội với mục tiêu quy trình hóa và công khai hóa mọi mặt hoạt động của Khoa;

- Thực hiện đánh giá giảng viên thông qua Bộ tiêu chí và Quy trình đánh giá chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên nhằm đánh giá chất lượng giảng viên một cách khoa học, khách quan, toàn diện với nhiều nguồn thông tin đánh giá;

4.3. Phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

- Tiếp tục tiến hành công tác tuyển dụng nhân sự, đặc biệt đối với ngạch giảng viên;

- Giảm tỷ lệ sinh viên/giảng viên đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với chất lượng, phương pháp giảng dạy của giảng viên;

- Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ cán bộ quản lý;

- Xây dựng, thực hiện chế độ đãi ngộ phù hợp, thỏa đáng đối với giảng viên, đặc biệt là giảng viên thỉnh giảng.

4.4. Tiếp tục thúc đẩy công tác biên soạn, xuất bản, chỉnh lý và số hóa hệ thống học liệu

- Thúc đẩy đầu tư biên soạn, xuất bản giáo trình, tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên các hệ đào tạo chính quy và phi chính quy;

- Xây dựng kế hoạch và khuyến khích việc lựa chọn biên soạn giáo trình dành cho các học phần tự chọn nhằm tạo ra điểm khác biệt của hệ thống học liệu của Khoa so với các cơ sở đào tạo cùng ngành;

- Rà soát lại hệ thống giáo trình nhằm chuẩn hóa, cập nhật kiến thức và nâng cao chất lượng của giáo trình;

- Số hóa các giáo trình tạo cơ sở dữ liệu thông tin đa dạng phục vụ giảng dạy, học tập;

- Tiếp tục đầu tư để hiện đại hóa thư viện: bổ sung nguồn thư viện điện tử, tăng cường cơ sở hạ tầng thông tin, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thư viện.

4.5. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

- Tiếp tục trang bị các thiết bị phòng học, thay thế những thiết bị bị hư hỏng; tăng cường cập nhật để lựa chọn đầu tư các trang thiết bị hiện đại, cần thiết cho công tác giảng dạy bắt kịp xu hướng của nền giáo dục quốc tế;

- Hoàn thiện phần mềm phục vụ công tác quản lý trong Khoa như phần mềm quản lý điểm, quản lý giảng viên, quản lý tài chính...

4.6. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học

- Khuyến khích cán bộ giảng viên trong Khoa tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Viện, cấp Bộ và cấp Nhà nước;

- Kiện toàn và tăng cường năng lực cho Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngành Luật. Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và chương trình hành động hàng năm của Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngành Luật.

- Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện cơ chế thu hút sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học như: tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học, các cuộc thi nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên...

4.7. Đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện, đổi mới công tác quản lý tài chính

- Đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện;

- Đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Quy trình thanh toán nội bộ;

- Đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong trường với Phòng Kế hoạch tài chính;

- Áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính.

4.8. *Đẩy mạnh công tác sinh viên*

- Hàng năm xây dựng chương trình hoạt động ngoại khóa, giao lưu, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của sinh viên trong học tập và rèn luyện;

- Xây dựng mối liên hệ thường xuyên với các cơ quan, các tổ chức như Tòa án, các đoàn luật sư, tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận kiến thức thực tiễn;

- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển các câu lạc bộ chuyên ngành của sinh viên, hướng hoạt động của các câu lạc bộ vào việc trao đổi kinh nghiệm học tập, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, rèn luyện các kỹ năng cần thiết của người học;

- Thực hiện cơ chế liên hệ giữa gia đình và nhà trường trong việc quản lý quá trình học tập của sinh viên.

- Tăng cường cơ hội tiếp cận các nguồn tài trợ trong nước và nước ngoài; đem lại những cơ hội học tập và rèn luyện tốt nhất cho sinh viên.

4.9. *Thúc đẩy hợp tác đào tạo*

- Tăng cường giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa Viện Đại học Mở Hà Nội nói chung và Khoa Luật nói riêng với các cơ sở đào tạo liên kết;

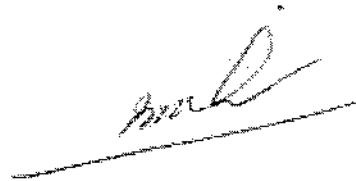
- Xây dựng, mở rộng mối quan hệ đối với các cơ sở đào tạo mới có cơ sở vật chất và năng lực quản lý đào tạo tốt, đáng tin cậy trong công tác liên kết đào tạo

- Hỗ trợ học liệu đối với học viên tại các trung tâm địa phương, các cơ sở liên kết còn khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất.

- Bước đầu triển khai hợp tác quốc tế với một số trường có cùng ngành đào tạo trong khu vực và quốc tế.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2012

CHỦ NHIỆM KHOA



CHỦ NHIỆM KHOA
Nguyễn Thị Thuý Nga

